

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP – LỚP 12

☞☞ ☞☞

I/ THỜI GIAN LÀM BÀI- HÌNH THỨC KIỂM TRA- CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

- Thời gian làm bài: 45 phút
- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm
- Cấu trúc: Tổng điểm: 10 điểm, gồm 28 câu. Trong đó:
 - + Phần I: (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 18 câu TNNLC = 4,5 điểm, mỗi câu 0.25 điểm.
 - + Phần II: (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.
 - Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
 - Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
 - Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
 - Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.
 - + Phần III: (Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn = TNTLN) gồm 6 câu = 1,5 điểm, mỗi câu 0.5 điểm.

II/ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP (LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN) LỚP 12:

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Câu hỏi theo mức độ nhận định						Tổng số câu hỏi TN	Tổng số câu hỏi Đ - S	Tỉ lệ % (điểm)
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				
			TN	Đ-S	TN	Đ-S	TN	Đ-S			
1	BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN RỪNG BỀN VỮNG	Bài 6. Ý nghĩa, nhiệm vụ của việc bảo vệ, khai thác tài nguyên rừng bền vững	2	0	2	0	0	0	4	0	10%
		Bài 7. Thực trạng trồng, chăm sóc, bảo vệ và khai thác rừng	2	1/4	2	1/4	1	2/4	5	1	22,5%
		Bài 8: Bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng	2	1/4	2	1/4	2	2/4	6	1	25
	GIỚI THIỆU	Bài 9: Vai trò, triển vọng của	2	1/4	2	1/4	0	2/4	4	1	20%

2	CHUNG VỀ THỦY SẢN	thủy sản trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0									
		Bài 10: Các nhóm thủy sản và phương thức nuôi phổ biến	2	1/4	2	1/4	1	2/4	5	1	22,5%
Tổng			10	1	10	1	4	2	24	4	100%
Tỉ lệ % (điểm)			35%		35%		30%				100%

III. ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK1 MÔN CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP (LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN) LỚP 12:

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN RỪNG BỀN VỮNG	Bài 6. Ý nghĩa, nhiệm vụ của việc bảo vệ, khai thác tài nguyên rừng bền vững	Nhận biết - Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng	2 TN		
			Thông hiểu Phân biệt được nhiệm vụ bảo vệ rừng của: chủ rừng, toàn dân và của các cấp quản lí		2 TN	
		Bài 7. Thực trạng trồng, chăm sóc, bảo vệ và khai thác rừng	Nhận biết -Nêu được thực trạng trồng và chăm sóc rừng của nước ta hiện nay - Nêu được thực trạng bảo vệ và khai thác rừng của nước ta hiện nay	2 TN 1/4 Đ-S		
			Thông hiểu Hiểu được việc phân bố diện tích rừng trồng theo mục đích sử dụng của nước ta hiện nay		2 TN 1/4 Đ-S	
			Vận dụng Đánh giá thực trạng trồng rừng và quản lí rừng			1 TN

2			ở nước ta trong giai đoạn 1990-2022			2/4 Đ-S
		Bài 8: Bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng	Nhận biết - Nêu được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng - Trình bày được các phương thức khai thác tài nguyên rừng	2TN 1/4 Đ-S		
			Thông hiểu - Phân biệt được ba phương thức khai thác tài nguyên rừng - Hiểu được đặc điểm của các phương thức khai thác		2 TN 1/4 Đ-S	
			Vận dụng Đề xuất được các biện pháp phục hồi rừng sau khai thác			2 TN 2/4 Đ-S
		Bài 9: Vai trò, triển vọng của thủy sản trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	Nhận biết Trình bày được vai trò và triển vọng của thủy sản trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	2 TN 1/4 Đ-S		
			Thông hiểu Hiểu được những thành tựu của ngành thủy sản của nước ta hiện nay		2 TN 1/4 Đ-S	
			Vận dụng: Phân tích được xu hướng phát triển thủy sản ở VN và trên thế giới			2/4 Đ-S

	GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THỦY SẢN	Bài 10: Các nhóm thủy sản và phương thức nuôi phổ biến	Nhận biết -Trình bày được cách phân loại thủy sản dựa vào nguồn gốc và đặc tính sinh vật học -Nêu được các phương thức nuôi thủy sản phổ biến ở nước ta hiện nay	2 TN 1/4 Đ-S		
			Thông hiểu - Hiểu được cách phân loại thủy sản theo đặc điểm cấu tạo, theo tính ăn, theo các yếu tố môi trường - Hiểu được ưu, nhược điểm của một số phương thức nuôi thủy sản phổ biến		2 TN 1/4 Đ-S	
			Vận dụng -Thực hành phân loại thủy sản theo nguồn gốc, theo đặc tính sinh vật học			1 TN 2/4 Đ-S
			Số câu/loại câu			10 TN 1 Đ-S
Tỉ lệ %			35%	35%	30%	
Tổng hợp chung			35%	35%	30%	